

Bản án số: 71/2020/HSST

Ngày: 21/9/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Thị Khánh Vân – Chủ tịch Hội phụ nữ huyện XM nghỉ hưu.

Bà Đoàn Thị Mến – Chủ tịch Hội phụ nữ TT Phước Bửu.

Thư ký phiên toà: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện VKSND huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 74/2020/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

LNL, sinh năm: 1996, tại Quảng Trị – (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp TB1, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm Thuê.

Học vấn: 6/12.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 12/9/2014 Bị TAND huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 04 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản ”. Bản án số: 14/2014/HSST, chấp hành xong ngày 12/9/2014.

- Ngày 14/01/2016 Bị TAND huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 06 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản ”. Bản án số: 04/2016/HSST, chấp hành xong ngày 24/4/2016.

Bắt ngày: 01/6/2020.

Họ tên cha: LVQ, sinh năm: 1976.

Họ tên mẹ: LTS, sinh năm: 1977.

Người bị hại:

PTMH, sinh ngày: 10/5/2003 – (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp PB, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện hợp pháp cho người bị hại:

PVK, Sn: 1971 – (Vắng mặt) và TTT, Sn: 1975 – (Vắng mặt) – là cha, mẹ của PTMH.

Hộ khẩu thường trú: Ấp PB, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. LTC (Đ), sinh năm: 1972 – (Vắng mặt) và NTPH, sinh năm: 1974 – (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp PT, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. TVT, sinh năm: 1980 – (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp PB, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người làm chứng:

NHP, sinh năm: 1976 – (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp PT, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h00 ngày 10/01/2020 L vào nhà chị H, anh C trộm cắp 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7 màu vàng. Sau đó tháo 02 sim vứt bỏ, còn điện thoại bán cho anh T lấy 300.000Đ (ba trăm ngàn) tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 13h00 ngày 16/01/2020 L vào nhà một người dân không rõ nhà ai, trộm cắp 01 đồng hồ đeo tay màu trắng xanh bằng kim loại. L tiếp tục đi đến nhà anh K, chị T trộm cắp của chị H (con của anh K, chị T) 03 đồng hồ. Sau đó, L đi đến nhà chị H tìm cách đột nhập trộm cắp tiếp thì bị người dân bắt giữ cùng số tài sản L trộm cắp ngày 16/01/2020 cùng các tài sản khác gồm: 01 ví da màu nâu nâu xám, có chữ TOYOTA; 01 tờ tiền Dolla mệnh giá 01 USD; 01 tờ tiền Dolla mệnh giá 02 USD; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000Đ (Năm ngàn); 01 điện thoại di động màu đen hiệu KECHAODA; 01 đồng hồ màu vàng hiệu Rado.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 25/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện XM đã kết luận: Vào thời điểm xảy ra vụ án tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của chị H vào ngày 16/01/2020 là: 5.593.400Đ (Năm triệu năm trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 25/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện XM đã kết luận: Giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của chị H vào ngày 10/01/2020 là: 600.000Đ (Sáu trăm ngàn).

Vật chứng thu giữ: Điện thoại di động Samsung Galaxy A7 màu vàng đã được trả lại cho chị H. Riêng 02 sim điện thoại L vứt bỏ không thu hồi được, chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường 02 sim điện thoại. 03 đồng hồ của chị H đã được trả lại cho chị H.

01 đồng hồ đeo tay màu trắng xanh bằng kim loại có chữ Ceramic Starrpolo tạm giữ từ L hiện chưa xác định được chủ sở hữu, cơ quan CSĐT đã tách riêng tiếp tục điều tra xác minh và xử lý theo quy định.

Trách nhiệm dân sự: Chị H đã nhận lại điện thoại, không yêu cầu bị cáo bồi thường 02 sim điện thoại bị vứt bỏ. Chị H đã nhận đủ tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 300.000Đ (Ba trăm ngàn) đã bỏ ra mua điện do L trộm cắp.

Cáo trạng số: 76/CT-VKS-XM ngày 25/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM đã truy tố LNL về tội: “ Trộm cắp tài sản ” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như đã khai báo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã nêu, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 300.000Đ (Ba trăm ngàn) đã bỏ ra mua điện do L trộm cắp.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã nêu, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo LNL phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ”, đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm h, Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 14 tháng tù đến 18 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Xong

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo 01 ví da màu nâu nâu xám, có chữ TOYOTA; 01 tờ tiền Dolla mệnh giá 01 USD; 01 tờ tiền Dolla mệnh giá 02 USD; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000Đ (Năm ngàn); 01 điện thoại di động màu đen hiệu KECHAODA; 01 đồng hồ màu vàng hiệu Rado.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà bị cáo L đã khai nhận: Ngày 16/01/2020 L đã lén lút chiếm đoạt của chị H 03 đồng hồ trị giá 5.593.400Đ (Năm triệu năm trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm đồng) và chiếm đoạt của một người không rõ lại lịch 01 đồng hồ. Trước đó, ngày 10/01/2020 L đã lén lút chiếm đoạt của chị H 01 điện thoại di động trị giá 600.000Đ (Sáu trăm ngàn).

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Phù hợp với bản kết luận định giá tài sản số số 16/KL-HĐĐG ngày 25/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 16/01/2020 L đã lén lút chiếm đoạt của chị H 03 đồng hồ trị giá 5.593.400Đ (Năm triệu năm trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm đồng) và chiếm đoạt của một người không rõ lại lịch 01 đồng hồ. Mặc dù hành vi trộm cắp điện thoại của chị H vào ngày 10/01/2020 chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm, nhưng hành vi chiếm đoạt 03 đồng hồ của chị H vào ngày 16/01/2020 với giá trị là 5.593.400Đ (Năm triệu năm trăm chín mươi ba ngàn bốn

trăm đồng) của bị cáo đã phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ nhận thức về xã hội, ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nhưng lười lao động nên bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt bình thường của người khác, gây ra sự hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, mặc dù lần chiếm đoạt tài sản của chị H chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm, nhưng đây cũng là tình tiết để HĐXX xem xét khi lượng hình. Mặt khác, dù không bị xem là tiền án, nhưng bị cáo cũng đã 02 lần bị xét xử về tội: “ Trộm cắp tài sản ”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp. Sau khi phạm tội bỏ trốn gây nhiều khó khăn cho việc điều tra, xử lý. Do đó, cần xử nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cũng xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với hành vi chiếm đoạt 01 đồng hồ đeo tay màu trắng xanh bằng kim loại có chữ Ceramic Starrpolo, hiện chưa xác định được chủ sở hữu, cơ quan CSĐT đã tách riêng tiếp tục điều tra xác minh và xử lý theo quy định nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, đại diện hợp pháp cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H, anh C không có ý kiến, yêu cầu gì thêm. Anh T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 300.000Đ (Ba trăm ngàn) đã bỏ ra mua điện do L trộm cắp, nên xem như xong. HĐXX không xem xét.

Đối với 01 ví da màu nâu nâu xám, có chữ TOYOTA; 01 tờ tiền Dolla mệnh giá 01 USD; 01 tờ tiền Dolla mệnh giá 02 USD; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000Đ (Năm ngàn); 01 điện thoại di động màu đen hiệu KECHAODA; 01 đồng hồ màu vàng hiệu Rado là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo **LNL** phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ”.

[1] Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điểm h, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: **LNL: 18 (Mười tám) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2020.

[2] Trách nhiệm dân sự: Xong.

[3] Về vật chứng.

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo 01 ví da màu nâu xám, có chữ TOYOTA; 01 tờ tiền Dolla mệnh giá 01 USD; 01 tờ tiền Dolla mệnh giá 02 USD; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000Đ (Năm ngàn); 01 điện thoại di động màu đen hiệu KECHAODA; 01 đồng hồ màu vàng hiệu Rado.

(Vật chứng được quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số: 54/BB ngày 26/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM).

[4] Về án phí: Bị cáo L phải nộp 200.000Đ (Hai trăm ngàn) án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận.

- TAND tỉnh BR – VT.
- Sở TP tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- CA huyện XM.
- PC 06.
- PV 10.
- Chi cục THADS huyện XM.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn